

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1242 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

| | |
|---|-----------------|
| CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | GIỮ: 5 |
| | Ngày: 09/7/2026 |

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung
đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075
(Mã số thông tin quy hoạch: 242611033432)**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày
11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01
tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch
hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 248/TT/-
UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 276/BC-BXD ngày
07 tháng 7 năm 2026 của Bộ Xây dựng về kết quả thẩm định Nhiệm vụ quy
hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 với các nội dung chính sau đây:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch và thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính của tỉnh Bắc Ninh.

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn; Phía Nam giáp các tỉnh Hưng Yên, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh; Phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn; Phía Tây giáp thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên.

c) Quy mô lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên lập quy hoạch khoảng 4.718,6 km² (theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh).

(Ranh giới, Quy mô lập quy hoạch sẽ được cụ thể trong quá trình nghiên cứu quy hoạch dựa trên các tài liệu, bản đồ và số liệu chính xác)

d) Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2040; giai đoạn dài hạn đến năm 2050; tầm nhìn đến năm 2075.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm:

- Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh được lập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch có liên quan; kế thừa định hướng cơ bản của quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, cũng như các quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đô thị Bắc Ninh; tổ chức không gian phát triển hợp lý giữa đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông thôn; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển đô thị với bảo tồn các giá trị văn hóa Kinh Bắc;

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững, hiện đại, thông minh và có khả năng chống chịu; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển không gian đô thị với đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên và đất đai.

- Quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, chiến lược; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và linh hoạt; có khả năng điều chỉnh, thích ứng với các biến động và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; giữ vững vị thế của đô thị Bắc Ninh là đô thị động lực của Vùng và vai trò trung tâm công nghiệp, dịch vụ của quốc gia, đồng thời có tầm vóc quốc tế.

b) Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá định hướng phát triển tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức không gian đô thị, phân bố dân cư và sử dụng đất hợp lý để phát triển thành phố Bắc Ninh là hình mẫu về thành phố xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, giàu đẹp;

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu; tổ chức không gian phát triển công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu; hình thành trung tâm công nghiệp điện tử, với trọng tâm là công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch, trí tuệ nhân tạo hàng đầu cả nước và trong khu vực;

- Tổ chức hệ thống đô thị - nông thôn phát triển hài hoà, cân đối giữa các địa phương trong thành phố; hoàn thiện đồng bộ hạ tầng giao thông đường bộ, đường thuỷ, đường sắt, đường hàng không và đô thị thông minh, kết nối các trung tâm đô thị lớn với hạ tầng dịch vụ logistics, đa phương thức;

- Định hướng phân bố hạ tầng xã hội nhằm phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội, nâng cao chất lượng sống của Nhân dân, để người dân được thụ hưởng thành quả của sự phát triển;

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển đô thị với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tính chất đô thị:

- Là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng và động lực phát triển quan trọng của vùng đô thị Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng; là đô thị xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, giàu đẹp, mang đậm bản sắc văn hoá Kinh Bắc.

- Là đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm logistics đa phương thức kết nối các hành lang kinh tế trong nước và quốc tế; trung tâm công nghiệp hiện đại, công nghệ cao và trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của quốc gia và khu vực

- Là đô thị văn hoá - lịch sử tiêu biểu của vùng đồng bằng Bắc Bộ trên nền tảng bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể kết hợp hài hòa với hệ sinh thái tự nhiên.

- Là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

a) Dự báo quy mô dân số:

- Dự kiến đến năm 2040: Tổng quy mô dân số toàn đô thị khoảng 7,0 - 8,0 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng: 6,5 - 7,0 triệu người).

- Dự kiến đến năm 2050: Tổng quy mô dân số toàn đô thị khoảng 8,0 - 9,0 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng: 7,0 - 7,5 triệu người).

- Tầm nhìn đến năm 2075, đô thị có thể dung nạp được trên 10 triệu người.

b) Dự báo quy mô đất đai:

- Đến năm 2040: Diện tích đất xây dựng đô thị và nông thôn khoảng 170.000 - 200.000 ha; Trong đó, đất dân dụng khoảng 60.000 - 70.000 ha;

- Đến năm 2050: Diện tích đất xây dựng đô thị và nông thôn khoảng 200.000 - 240.000 ha; Trong đó, đất dân dụng khoảng 70.000 - 80.000 ha;

(Quy mô dân số và quy mô đất đai theo từng giai đoạn sẽ được nghiên cứu, phân tích, đánh giá, đề xuất cụ thể trong quá trình nghiên cứu quy hoạch).

5. Các yêu cầu nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

a) Vị trí, vai trò và liên kết vùng

- Nghiên cứu, phân tích vị trí, vai trò của đô thị Bắc Ninh trong hệ thống đô thị quốc gia, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và trong mạng lưới kết nối quốc tế; làm rõ chức năng, vai trò của Bắc Ninh là cực tăng trưởng quan trọng, trung tâm công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, logistics và dịch vụ cấp quốc gia và quốc tế.

- Phân tích các mối liên kết vùng về không gian phát triển, kinh tế - xã hội, đầu mối giao thông đa phương thức, khung hạ tầng kỹ thuật chính, logistics, môi trường và quốc phòng - an ninh; làm rõ mối quan hệ giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các khu vực trung tâm mang tính hạt nhân, động lực phát triển với các không gian cần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Kinh Bắc và văn hóa khác của đô thị.

b) Đánh giá hiện trạng tổng hợp

- Phân tích, đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, các yếu tố rủi ro thiên tai; hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng như khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch; hiện trạng dân số, lao động và phân bố dân cư đô thị - nông thôn.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất toàn đô thị theo các nhóm đất chủ yếu; hiện trạng phân vùng kiến trúc, cảnh quan; hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, làm cơ sở xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong kỳ quy hoạch mới.

c) Đánh giá công tác quản lý và thực hiện quy hoạch

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành và các dự án đầu tư đã được phê duyệt; xác định các nội dung kế thừa, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với không gian phát triển mới.

- Đánh giá các chương trình, dự án lớn đang triển khai; xác định các tồn tại, bất cập trong tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, làm cơ sở đề xuất các chiến lược, định hướng và giải pháp quy hoạch.

d) Yêu cầu tuân thủ quy hoạch cấp trên

- Xác định đầy đủ các yêu cầu phải tuân thủ và cụ thể hóa từ Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tích hợp về dữ liệu, chỉ tiêu dự báo và định hướng phát triển giữa Quy hoạch chung với các quy hoạch cấp trên và các quy hoạch, dự án đang được triển khai.

đ) Nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế

Nghiên cứu, tổng hợp và chọn lọc các mô hình tiêu biểu trong nước và quốc tế về phát triển siêu đô thị, đô thị theo mô hình TOD, đô thị xanh sinh thái, đô thị thông minh có điều kiện tương đồng và lựa chọn các kinh nghiệm phù hợp với điều kiện phát triển để áp dụng cho Bắc Ninh theo mô hình đô thị trực thuộc Trung ương.

e) Quan điểm, mục tiêu, tính chất và tiền đề phát triển

- Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển cụ thể cho đô thị Bắc Ninh theo từng giai đoạn, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển quốc gia và yêu cầu phát triển bền vững.

- Xác định tính chất đô thị và các tiền đề, động lực phát triển chủ yếu về không gian, hạ tầng, kinh tế, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, làm cơ sở định hướng tổ chức không gian và phân bổ nguồn lực.

g) Dự báo và chỉ tiêu phát triển

Dự báo quy mô dân số, lao động, nhu cầu đất đai và hạ tầng theo các giai đoạn phát triển; xác định các chỉ tiêu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường cho khu vực đô thị và nông thôn.

h) Cơ cấu và phương án phát triển đô thị

- Xác định cơ cấu và phương án phát triển đô thị; đề xuất trọng tâm phát triển, hành lang phát triển, cực tăng trưởng toàn đô thị; lựa chọn phương án phát triển phù hợp làm cơ sở tổ chức không gian đô thị.

i) Mô hình và cấu trúc không gian tổng thể

- Xác định mô hình phát triển và cấu trúc không gian tổng thể toàn đô thị phù hợp với vùng Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tăng cường khả năng kết nối với các thành phố, các tỉnh lân cận.

- Xác định hệ thống đô thị và nông thôn; các đô thị trung tâm, đô thị động lực; các khu vực nông thôn; các khu vực cảnh quan đặc trưng cần bảo vệ, phát huy giá trị; bảo đảm mô hình phát triển phù hợp với thành phố.

- Tổ chức không gian hệ thống đô thị - nông thôn, khu chức năng lớn, bảo đảm tính kế thừa, tôn trọng các đặc trưng về tự nhiên và bản sắc riêng, tăng hiệu quả sử dụng đất.

k) Tổ chức các khu chức năng, khu vực trọng tâm phát triển

- Xác định vị trí, phạm vi và định hướng tổ chức không gian các khu chức năng, khu vực trọng tâm phát triển và các khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng (nếu có);

- Định hướng hệ thống trung tâm hành chính cấp toàn đô thị, trung tâm đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, trung tâm đổi mới sáng tạo; Xác định các trung tâm Logistics hiện đại, cảng cạn - ICD gắn với các đầu mối giao thông và Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

- Định hướng phát triển mạng lưới khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), công nghiệp điện tử, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; xác định các trung tâm chuyên ngành khác theo cấp quốc gia, cấp vùng, cấp đô thị; Nghiên cứu đề xuất khu vực đô thị hạt nhân, trung tâm phức hợp chính trị - hành chính - kinh tế mới, đồng bộ để điều phối phát triển, kết nối hạ tầng, dịch vụ công và các không gian kinh tế trọng điểm.

- Nghiên cứu định hướng phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, trọng tâm là y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao và các thiết chế an sinh xã hội phù hợp với mô hình phát triển đô thị và phân bố dân cư; hình thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng, phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội và chăm sóc người cao tuổi, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đề xuất các mô hình tổ chức không gian dân cư nông thôn gắn với phát triển nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất, bảo đảm sinh kế bền vững và gìn giữ bản sắc nông thôn.

l) Kiến trúc, cảnh quan và không gian xanh

- Định hướng phân vùng kiến trúc, cảnh quan; tổ chức hệ thống không gian mở, không gian xanh, mặt nước, các trục không gian chính, cửa ngõ và điểm nhấn đô thị; bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, di sản và bản sắc văn hóa Kinh Bắc cũng như các đặc trưng văn hóa trên địa bàn.

- Định hướng phát triển không gian hai bên các lưu vực sông Cầu, sông Đuống, sông Thương và sông Lục Nam thành các hành lang sinh thái, không gian xanh, không gian văn hóa và trục cảnh quan của đô thị; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Kinh Bắc, làng nghề truyền thống và các không gian đặc trưng.

m) Thiết kế đô thị tổng thể

Xác định khung thiết kế đô thị tổng thể và từng khu vực theo đặc trưng lịch sử, văn hóa Bắc Ninh, gắn với vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc; xác định và xây dựng giải pháp thiết kế đô thị các khu vực cửa ngõ, các trung tâm đô thị, các trục cảnh quan; tổ chức lập thiết kế đô thị, tạo dựng hình ảnh kiến trúc cảnh quan cho các khu trung tâm, quảng trường, vườn hoa, công viên đô thị trên nguyên tắc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

n) Định hướng sử dụng đất

Định hướng sử dụng đất toàn đô thị theo các giai đoạn phát triển; xác định các khu vực phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, quốc phòng - an ninh và các khu vực khác. Xác định nhu cầu đất phát triển nhà ở, bao gồm nhà ở xã hội.

o) Không gian ngầm và hạ tầng kỹ thuật

- Định hướng phát triển không gian ngầm toàn đô thị; nghiên cứu các khu vực sử dụng không gian ngầm cho công cộng, dịch vụ, hạ tầng gắn với các đầu mối giao thông đa phương thức, khối lượng lớn.

- Giao thông: Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa; xác định mạng lưới giao thông đối ngoại và giao thông đô thị gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; hệ thống giao thông công cộng, giao thông tỉnh và các đầu mối giao thông, logistics; bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống đường vành đai (VD 4, VD 4,5, VD 5), cảng hàng không quốc tế Gia Bình, hệ thống đường sắt quốc gia. Xác định mạng lưới giao thông chính, quy mô các tuyến đường trục, nút giao thông, bến xe, ga đường sắt, cảng thủy nội địa và các công trình đầu mối hạ tầng giao thông; nghiên cứu phát triển giao thông công cộng khối lượng lớn gắn với mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) kết nối với quy hoạch không gian ngầm.

- Cao độ nền: Rà soát, cập nhật các định hướng phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai theo các quy hoạch ngành quốc gia. Xác định các công trình đầu mối thủy lợi chính như đê điều, trạm bơm. Xác định cao độ xây dựng, các trục tiêu chính, bơm về hệ thống sông, mặt nước tự nhiên, phân lưu vực thoát nước; thiết kế hệ thống và mạng lưới thoát nước mưa.

- Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn và dự báo nhu cầu dùng nước. Đánh giá và lựa chọn nguồn cấp nước; lập các phương án cấp nước theo nguyên tắc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính. Đề xuất cấp nước kết nối liên vùng, liên tỉnh (nếu có), các biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Cấp điện, năng lượng và chiếu sáng: Dự báo nhu cầu điện và nhu cầu sử dụng năng lượng khác; xác định nguồn cung cấp năng lượng, ưu tiên các giải pháp sử dụng tiết kiệm, các dạng năng lượng sạch, tái tạo; xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống cấp năng lượng; nghiên cứu chiếu sáng đô thị.

- Hạ tầng thông tin truyền thông: Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối, định hướng bố trí các công trình đầu mối hạ tầng thông tin truyền thông như trung tâm điều hành đô thị thông minh; trung tâm dữ liệu và mạng lưới hạ tầng viễn thông gắn với mô hình đô thị thông minh, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế số và xây dựng chính quyền số.

- Thu gom và xử lý nước thải: Nghiên cứu các vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống thoát và xử lý nước thải. Đề xuất định hướng, giải pháp quy hoạch hướng tới tái sử dụng nước thải và các yêu cầu về chất lượng nước đối với các loại nước thải sau khi xử lý.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn và quản lý nghĩa trang: Rà soát, cập nhật, bổ sung các vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới thu gom chất thải rắn chính từng giai đoạn; Vị trí, quy mô tính chất của các nghĩa trang. Đề xuất các yêu cầu, biện pháp quản lý môi trường đối với công trình đầu mối.

p) Bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

Đề xuất các yêu cầu và giải pháp bảo vệ môi trường; xác định các khu vực cần bảo vệ, phục hồi môi trường; kiểm soát ô nhiễm và giảm phát thải trong quá trình phát triển đô thị gắn với kịch bản biến đổi khí hậu.

q) Chương trình và dự án ưu tiên

Xác định các chương trình - dự án ưu tiên đầu tư cho từng giai đoạn nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, danh mục công trình trọng điểm Nhà nước cần đầu tư và mời gọi đầu tư. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho Bắc Ninh, bảo đảm các tính chất, vai trò của đô thị loại I trực thuộc Trung ương.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

Danh mục hồ sơ và nội dung quy hoạch chung tuân thủ quy định tại Điều 10, Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến trong quá trình lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi bổ sung tại khoản 24, 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

8. Các yêu cầu đối với quy hoạch

Nghiên cứu lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 thể hiện các nội dung mang tính định hướng, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông, tích hợp về các chỉ tiêu, định hướng các giai đoạn ngắn hạn, dài hạn với Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng. Để nâng cao chất lượng nghiên cứu và tính khả thi, ngoài việc tuân thủ pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, trong quá trình tổ chức lập quy hoạch cần lưu ý:

- Quy hoạch cần thống nhất, đồng bộ (về liên kết vùng, quy hoạch sử dụng đất, phương hướng phát triển các ngành - lĩnh vực trọng yếu tương thích với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội).

- Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý - GIS để phân tích, đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp với đặc điểm của đô thị Bắc Ninh. Cơ sở dữ liệu GIS được chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước phục vụ công tác dự báo phát triển, chuyển đổi số trong quản lý, quy hoạch đô thị.

- Xây dựng kế hoạch, cơ chế thực hiện quy hoạch trên cơ sở phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác có liên quan nhằm bảo đảm nội dung nghiên cứu được cập nhật đồng bộ, đặc biệt đối với các chương trình, đề án và dự án đặc thù của đô thị Bắc Ninh.

- Đề xuất các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị và nông thôn để cụ thể hóa nội dung quy hoạch chung; xác định khung đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch để cơ quan chuyên ngành theo dõi, điều chỉnh kịp thời (nếu có); nghiên cứu các quy định, cơ chế - chính sách trong việc quản lý quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng hiệu quả, khoa học, đáp ứng chủ trương của Nhà nước về cải cách hành chính, xây dựng đô thị thông minh.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan tổ chức lập và trình duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Cơ quan lập quy hoạch: Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Được lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định liên quan.

- Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch: Thời gian lập quy hoạch thực hiện theo quy định.

10. Kinh phí thực hiện

- Dự toán chi phí tổ chức lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và về tính chính xác của các thông tin, số liệu, bản vẽ, hồ sơ sử dụng để lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 bảo đảm đúng quy định pháp luật; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 theo đúng quy định, không hợp thức các sai phạm (nếu có), không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện; không gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 bảo đảm đúng quy định pháp luật, không lãng phí. Giao Bộ Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong quá trình tổ chức thực hiện lập Quy hoạch nêu trên bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công an, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Quốc phòng, Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2b). DTQ 10

